

Khoái Châu, ngày 07 tháng 09 năm 2020.

Số: 19/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 08 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2020/TLST – DS ngày 06/8/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Ông Dương Hữu A - sinh năm 1950. Trú tại: Xóm 7- thôn C- xã Đ- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

1.2. Đồng bị đơn:

1.2.1 Anh Phạm Như P - sinh năm 1982.

1.2.2 Ông Phạm Như T- sinh năm 1957.

1.2.3 Bà Dương Thị Đ- sinh năm 1957.

1.2.4 Chị Trần Thị L- sinh năm 1988.

Người được ông T, bà Đ, chị L uỷ quyền là anh Phạm Như P.

Đều trú tại: Xóm 6- thôn C- xã Đ- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Tổng số tiền vợ chồng anh Phạm Như P, chị Trần Thị L và vợ chồng ông Phạm Như T, bà Dương Thị Đ còn nợ ông Dương Hữu A, tính đến ngày 28/08/2020 là:

+ Nợ gốc là 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng);

+ Tiền lãi tính đến ngày 28/08/2020 là 2.360.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi là 61.360.000đ (Sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (28/08/2020), vợ chồng anh Phạm Như P, chị Trần Thị L và vợ chồng ông Phạm Như T, bà Dương Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 0,65%/1 tháng (Không phẩy sáu mươi lăm phần trăm trên một tháng) cho đến khi trả xong nợ gốc.

2.2. Thời hạn và P án trả nợ:

Trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ tháng 09/2020 đến tháng 08/2021.

+ Mỗi tháng, vợ chồng anh Phạm Như P, chị Trần Thị L và vợ chồng ông Phạm Như T, bà Dương Thị Đ phải liên đới trả cho ông Dương Hữu A- sinh năm 1950, trú tại: xóm 7, thôn C- xã Đ- huyện K- tỉnh Hưng Yên số tiền tối thiểu là 5.000.000đ/1 tháng (Năm triệu đồng trên một tháng) và tiền lãi với mức lãi suất là 0,65%/1 tháng (Không phẩy sáu mươi lăm phần trăm trên một tháng) đối với số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ gốc.

+ Số tiền lãi chưa thanh toán từ ngày 13/04/2020 đến ngày 28/08/2020 là 2.360.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) sẽ được thanh toán vào tháng cuối cùng của kỳ hạn trả nợ.

+ Ngày trả tiền hàng tháng chậm nhất là ngày 28 của mỗi tháng.

+ Chậm nhất là ngày 28/08/2021, vợ chồng anh Phạm Như P, chị Trần Thị L và vợ chồng ông Phạm Như T, bà Dương Thị Đ phải liên đới trả cho ông Dương Hữu A toàn bộ số nợ gốc còn lại, số tiền lãi đã chót vào ngày 28/08/2020 là 2.360.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán.

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, đến kỳ hạn trả nợ như đã thỏa thuận nêu trên mà vợ chồng anh Phạm Như P, chị Trần Thị L và vợ chồng ông Phạm Như T, bà Dương Thị Đ không trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc vi phạm bất kỳ một kỳ hạn trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì ông A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự buộc vợ chồng anh Phạm Như P, chị Trần Thị L và vợ chồng ông Phạm Như T, bà Dương Thị Đ phải liên đới thi hành ngay toàn bộ số tiền chưa thanh toán mà không cần phải chờ đến hạn cuối cùng (ngày 28/08/2021).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp: nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số nợ gốc thì phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (0,65%/1 tháng) trên số tiền gốc còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong; nếu người phải thi hành án chậm thi hành đối với số tiền 2.360.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) thì còn

phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên nguyên đơn và đồng bị đơn, mỗi bên phải chịu một nửa tiền án phí là 61.360.000đ x 5% : 2 : 2 = 767.000đ.

Vì nguyên đơn ông A đã trên 60 tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông A được miễn toàn bộ án phí.

Vợ chồng ông Phạm Như T, bà Dương Thị Đ và vợ chồng anh Phạm Như P, chị Trần Thị L đều có nghĩa vụ ngang nhau đối với trách nhiệm trả nợ cho ông A, tuy nhiên ông T, bà Đ đã trên 60 tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà Đ được miễn toàn bộ án phí. Do đó vợ chồng anh P, chị L còn phải liên đới chịu: 767.000đ : 2 = 383.500đ (Ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- VKSND huyện Khoái Châu;;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hương